

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1079/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2022
V/v Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh.
2. Ông Phạm Văn Chính.

Thư ký phiên toà: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Bà **Hồ Thị Hiền** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 tháng 7 và ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1447/2020/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1985 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Ấp X, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Giang Ái C – Luật sư của Văn Phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: Đường N, ấp L, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Huỳnh Văn Nh, sinh năm: 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

3.2. Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm: 1985 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2020, bản tự khai ngày 04 tháng 01 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Đ trình bày:

Bà và ông Phạm Văn T kết hôn năm 2015 nhưng do bất đồng nên đã ly hôn theo Quyết định số 1097/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận khi ly hôn, ông T là người trực tiếp nuôi con chung là Phạm Huỳnh Ngân T1, sinh ngày 02/4/2017, người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, nhưng sau khi ly hôn ông T luôn cản trở, đe dọa, xua đuổi bà trước mặt con, không cho bà thăm con. Đến ngày 20/4/2020, ông T nhắn tin kêu bà rước con về nuôi vì ông không nuôi được, lúc bà rước con về thì cháu nhút nhát và tinh thần không ổn định, ông T là đàn ông nên việc chăm sóc cũng như vệ sinh cho con không được tốt. Bà rước con về và nhờ anh chị hai ở Kiên Giang nuôi dưỡng, chăm sóc từ ngày 20/4/2020 đến nay thì tinh thần cháu vui vẻ trở lại, còn tiền thì bà gửi về để lo cho con, nay ông T lại yêu cầu đưa cháu T1 về cho ông nuôi thì bà không yên tâm vì cháu còn nhỏ, lại là con gái, hơn nữa bà không muốn lại thay đổi môi trường sống đối với cháu T1 một lần nữa nên bà yêu cầu giao con cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai ngày ngày 22 tháng 01 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Văn T trình bày: Ông thống nhất với bà Đ về việc kết hôn và ly hôn. Khi ly hôn ông và bà Đ thỏa thuận giao con chung là Phạm Huỳnh Ngân T1, sinh ngày 02/4/2017 cho ông nuôi, bà Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con. Khi cháu T1 đòi kiếm mẹ, ông mới điện thoại cho bà Đ đem về nhà nuôi hai ba ngày thì trả lại ông, bạn bà Đ cũng hứa hai ba ngày sau sẽ trả lại cháu T1 cho ông nên ông mới đồng ý nhưng bà Đ đem con về cho anh hai ở Kiên Giang nuôi đến nay không giao cháu T1 lại cho ông.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với yêu cầu giao con cho bà Đ nuôi dưỡng, ông không đồng ý yêu cầu của bà Đ vì bà Đ đã lấy chồng và không trực tiếp nuôi con mà đem con về quê đưa cho anh hai nuôi. Nếu bà Đ là người trực tiếp nuôi con và nuôi con ở thành phố để ông có thể đến trường nơi cháu học thăm cháu thì ông chấp nhận để bà Đ nuôi, ở thành phố thì bà Đ cũng chỉ ở phòng trọ, sống cùng bà Đ còn có chồng và mẹ chồng. Còn bản thân ông độc thân, có nhà và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con, do đó ông không chấp nhận yêu cầu của bà Đ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Huỳnh Thị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Phạm Văn T giữ nguyên nội dung trình bày như trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bà Đ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nhưng bà Đ không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mà giao con cho anh chị hai nuôi là vi phạm theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; mặt khác bà Đ đã kết hôn và đã có con với người chồng mới, hai người vẫn phải thuê nhà trọ; bà Đ làm công nhân nên kinh tế khó khăn. Trong khi đó ông T có điều kiện nuôi con tốt hơn – ông T có nhà, có thu nhập ổn định, lại đang độc thân, hơn nữa ông T cũng đã có một thời gian nuôi con cùng bà Đ trong thời kỳ hôn nhân và sau khi ly hôn thì ông T vẫn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con nên ông T có đầy đủ khả năng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu T1 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn hiện thuê phòng trọ để ở và không trực tiếp nuôi con mà gửi về cho gia đình anh trai ruột ở Kiên Giang nuôi dưỡng. Mặc dù, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi con nhưng không trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác không nộp được chứng cứ gì để chứng minh điều kiện kinh tế như thu nhập; bị đơn hiện đang có nơi cư trú ổn định, có sở hữu nhà tại ấp L, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập hàng tháng ổn định giao động từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Căn cứ Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chưa đủ cơ sở xem xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Đ có đơn khởi kiện đối với ông Phạm Văn T. Ông T cư trú tại ấp L, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp là tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn Nh và bà Huỳnh Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 1097/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, về phần con chung ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Đ tự nguyện thỏa thuận giao cháu Phạm Huỳnh Ngân T1, sinh ngày 02 tháng 4 năm 2017 cho ông Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con do ông T chưa có yêu cầu. Nay bà Đ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Lý do bà Đ xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là vì bà Đ cho rằng ông T luôn cản trở, đe dọa, xua đuổi bà trước mặt con, không cho bà thăm con. Đến ngày 20/4/2020, ông T nhắn tin kêu bà rước con về nuôi vì ông không nuôi được, hơn nữa cháu T1 lại là bé gái.

[4]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:*

a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;

b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hoà giải nhưng giữa bà Huỳnh Thị Đ và ông Phạm Văn T không thỏa thuận được về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6]. Xét về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nhưng bà Đ không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà kể từ thời điểm rước con về (ngày 20/4/2020) bà đã giao con cho anh chị hai ở Kiên Giang là ông Huỳnh Văn Nh và bà Huỳnh Thị Y nuôi dưỡng, chăm sóc; bà Đ làm công nhân, mức thu nhập khoảng 6.000.000 (sáu triệu) đồng/1tháng, trong khi đó lại phải thuê nhà trọ nên kinh tế khó khăn, mặt khác bà Đ đã kết hôn và đã có con với người chồng mới. Ngoài ra, bà Đ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Phạm Văn T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong khi đó ông T có nhà riêng nên có điều kiện về chỗ ở; ông làm công việc kinh doanh, có thu nhập ổn định {thu nhập khoảng từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm

triệu) đồng mỗi tháng}, lại đang độc thân; trong thời gian nuôi con trước khi ly hôn và sau khi ly hôn (ngày 17/9/2019 đến ngày 20/4/2020) ông T cũng chưa có hành vi vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Như vậy, xét ông T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và đảm bảo sự ổn định cho con nhất là các điều kiện cho sự phát triển thể chất, học hành và tinh thần nên giao con chung cho ông T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[7]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu của bà Huỳnh Thị Đ không được chấp nhận nên bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu T1 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ nên chấp nhận.

[9]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[10]. *Về kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ đối với ông Phạm Văn T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AG/2019/0077228 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Huỳnh Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H.H, TP.HCM;
- Chi cục THADS H. H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy